

LƯU V.T

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

44

Số: 333 /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 08 tháng 3 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc bổ sung quy hoạch một số cơ sở, điểm sản xuất gạch vào
Quy hoạch phát triển công nghiệp vật liệu xây dựng tỉnh Bắc Giang
đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 24^a/2016/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2016 của Chính phủ về quản lý vật liệu xây dựng;

Căn cứ Quyết định 1469/QĐ-TTg ngày 22 tháng 8 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển vật liệu xây dựng Việt Nam đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Công văn số 300/SXD-KT&VLXD ngày 28 tháng 02 năm 2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ sung quy hoạch một số cơ sở, điểm sản xuất gạch vào Quy hoạch phát triển công nghiệp vật liệu xây dựng tỉnh Bắc Giang đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, với nội dung theo phụ lục đính kèm.

Các nội dung khác: Thực hiện theo Quyết định số 554/QĐ-UBND ngày 04 tháng 5 năm 2012 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch công nghiệp phát triển vật liệu xây dựng tỉnh Bắc Giang đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các cơ quan thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh;
- + LĐVP, TNMT, TH, TTCB;
- + Lưu: VT, XD.Linh (3).

KT. CHỦ TỊCH

ĐẠI BIỂU CHỦ TỊCH



Lại Thanh Sơn

1

2

3

4

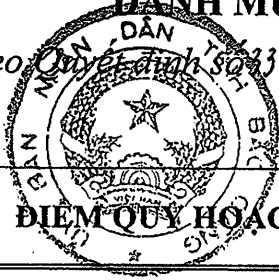
5

6

7

DANH MỤC CÁC ĐIỂM SẢN XUẤT GẠCH

(Kèm theo Quyết định số 333/QĐ-UBND ngày 08/3/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh)



TT	ĐIỂM QUY HOẠCH	ĐỊA CHỈ	CÔNG SUẤT	ĐƠN VỊ
I	GẠCH NUNG TUYNEL			
1	Xã Đông Lỗ, huyện Hiệp Hòa	Huyện Hiệp Hòa	20	Triệu viên/năm
2	Xã Mai Trung, huyện Hiệp Hòa	Huyện Hiệp Hòa	20	Triệu viên/năm
3	Xã Xuân Cầm, huyện Hiệp Hòa	Huyện Hiệp Hòa	20	Triệu viên/năm
4	Xã Châu Minh, huyện Hiệp Hòa	Huyện Hiệp Hòa	20	Triệu viên/năm
5	Hộ cá thể: Đào Thị Hà	Thị trấn Bích Động, huyện Việt Yên	20	Triệu viên/năm
6	Hộ cá thể: Đào Văn Phú	Xã Minh Đức, huyện Việt Yên	20	Triệu viên/năm
7	Công ty Cổ phần gạch Bình Sơn	Xã Minh Đức, huyện Việt Yên	20	Triệu viên/năm
8	Công ty TNHH Thăng Lợi	Xã Đông Phúc, huyện Yên Dũng	40	Triệu viên/năm
9	Hộ cá thể: Hoàng Xuân Kỳ	Xã Lão Hộ, huyện Yên Dũng	20	Triệu viên/năm
10	Công ty TNHH TMDV điện tử viễn thông Tạo Tuyển	Xã Trí Yên, huyện Yên Dũng	20	Triệu viên/năm
11	Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Tân Yên	Xã Ngọc Châu, huyện Tân Yên	40	Triệu viên/năm
12	Công ty TNHH Sản xuất gạch ngói Ngọc Lý	Xã Cao Xá, huyện Tân Yên	20	Triệu viên/năm
13	Hộ cá thể: Nguyễn Thị Hạnh	Xã Cao Xá, huyện Tân Yên	20	Triệu viên/năm
14	Công ty Cổ phần thương mại Minh Trang	Xã Tiên Nha, huyện Lục Nam	20	Triệu viên/năm
15	Hộ cá thể: Vũ Trí Ván	Xã Đan Hội, huyện Lục Nam	20	Triệu viên/năm
16	Công ty TNHH Phương Sơn	Xã Cương Sơn, huyện Lục Nam	20	Triệu viên/năm
17	Xã Bình Sơn, huyện Lục Nam	Huyện Lục Nam	20	Triệu viên/năm
18	Xã Huyền Sơn, huyện Lục Nam	Huyện Lục Nam	20	Triệu viên/năm

TT	ĐIỂM QUY HOẠCH	ĐỊA CHỈ	CÔNG SUẤT	ĐƠN VỊ
19	Xã Kiên Thành, huyện Lục Ngạn	Huyện Lục Ngạn	20	Triệu viên/năm
20	Xã Tân Sơn, huyện Lục Ngạn	Huyện Lục Ngạn	20	Triệu viên/năm
21	Xã Đồng Vương, huyện Yên Thế	Huyện Yên Thế	20	Triệu viên/năm
22	Xã Tam Tiến, huyện Yên Thế	Huyện Yên Thế	20	Triệu viên/năm
23	Xã Tân Thanh, huyện Lạng Giang	Huyện Lạng Giang	20	Triệu viên/năm
II GẠCH XÂY KHÔNG NUNG				
1	Huyện Hiệp Hòa		80	Triệu viên/năm
2	Huyện Yên Dũng		80	Triệu viên/năm
3	Huyện Lục Nam		40	Triệu viên/năm
4	Huyện Lục Ngạn		40	Triệu viên/năm
5	Huyện Sơn Động		40	Triệu viên/năm
6	Huyện Yên Thế		40	Triệu viên/năm